

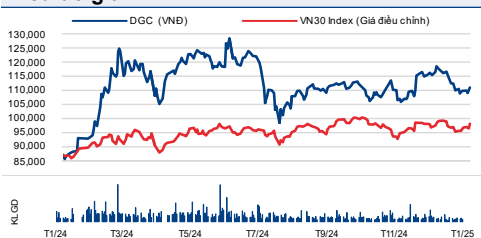
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ133,000
Tiềm năng tăng/giảm: 19.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/1/2025)	111,000
Mã Bloomberg	DGC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	85,668-128,307
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	109,725
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	42,156
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,683
Slg CP lưu hành (tr.đv)	380
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	186
Slg CP NN được mua (tr.đv)	118
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.9%
Tỷ lệ freefloat	60.9%
Cổ đông lớn	Đào Hữu Huyền (18.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	9,748	10,098	13,012
EBITDA đc (tỷ đồng)	3,204	3,301	3,833
LNTT (tỷ đồng)	3,485	3,409	4,053
LNT ĐC (tỷ đồng)	2,770	2,852	3,334
FCF (tỷ đồng)	2,533	1,835	2,249
EPS ĐC (đồng)	7,294	7,511	8,778
DPS (đồng)	3,000	3,000	3,000
BVPS (đồng)	30,826	35,288	41,039
T.trưởng EBITDA (%)	(49.0)	3.05	16.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	(44.3)	(3.42)	16.8
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	32.9	32.7	29.5
Tỷ suất LNTT (%)	35.8	33.8	31.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	31.8	29.6	26.9
Tỷ lệ LN trả CT (%)	36.8	38.1	32.6
Nợ thuần/VCSH (%)	2.81	4.82	5.27
ROAE (%)	28.0	23.8	24.1
ROACE (%)	24.8	21.4	21.9
EV/doanh thu (lần)	4.35	4.24	3.30
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.2	13.0	11.2
P/E ĐC (lần)	15.2	14.8	12.6
P/B (lần)	3.60	3.15	2.70
Lợi suất cổ tức (%)	2.70	2.70	2.70

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DGC là doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu hàng đầu sản phẩm có gốc photpho tại Việt Nam, bao gồm photpho vàng, axit photphoric, phân bón và phụ gia TACN. Công ty cũng đang mở rộng hoạt động của mình sang sản phẩm như xút, clo, etc bên cạnh các sản phẩm lâu đời của công ty như bột giặt.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2024: Bắt đầu phục hồi chậm; sát với dự báo

- DGC đã công bố KQKD Q4/2024 với lợi nhuận thuần đạt 750 tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ và 6% so với quý trước); sát với dự báo 755 tỷ đồng của HSC. Doanh thu thuần Q4/2024 đạt 2.418 tỷ đồng (tăng 1,3% so với cùng kỳ nhưng giảm 5,5% so với quý trước).
- Theo đó, lợi nhuận thuần cả năm 2024 đạt 2.989 tỷ đồng, giảm 3,6% trên doanh thu thuần 9.865 tỷ đồng (tăng trưởng 1,2%), hoàn thành lần lượt 100% và 98% dự báo lợi nhuận thuần và doanh thu thuần của chúng tôi.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 133.000đ (tiềm năng tăng giá 22%) cho DGC. DGC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 12,4 lần, cao hơn so với bình quân 4 năm (ở mức 9,0 lần) nhưng vẫn thấp hơn so với các công ty cùng ngành trong khu vực (ở mức 14,0 lần).

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

Vào ngày 23/1, DGC đã công bố KQKD Q4/2024 với lợi nhuận thuần đạt 749,5 tỷ đồng (tăng 4% so với cùng kỳ và 6% so với quý trước), sát với dự báo của HSC ở mức 755 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 2.418 tỷ đồng (tăng 1,3% so với cùng kỳ nhưng giảm 5,5% so với quý trước). Với kết quả này, lợi nhuận thuần cả năm 2024 đạt 2.989 tỷ đồng, giảm 3,6% trên doanh thu thuần 9.865 tỷ đồng (tăng trưởng 1,2%).

Giá bán bình quân tăng bù đắp cho sản lượng tiêu thụ giảm

Theo ước tính của HSC, giá bán bình quân Q4/2024 đã cải thiện ở mọi mảng kinh doanh nhưng sản lượng tiêu thụ có vẻ thấp, chủ yếu là do tình trạng thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào:

- Giá P4 tăng 1% so với cùng kỳ và 3% so với quý trước đạt 96,3 triệu đồng/tấn. Trong khi đó, sản lượng tiêu thụ P4 trong Q4/2024 đạt 11.406 tấn, tăng 33% so với cùng kỳ nhưng giảm 15% so với quý trước do tình trạng thiếu hụt nguồn cung quặng apatit.
- Giá phân bón DAP/MAP tăng lần lượt 4% & 9% so với cùng kỳ và 3% & 3% so với quý trước. Sản lượng tiêu thụ DAP/MAP đạt lần lượt 11.910 và 18.049 tấn. Mặc dù sản lượng tiêu thụ này tăng mạnh 129% và 588% so với cùng kỳ nhưng lại giảm lần lượt 11% và 17% so với quý trước, cũng do tình trạng thiếu hụt nguồn cung quặng apatit.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, DGC

Bắt đầu hồi phục chậm, sát dự báo

Tỷ đồng	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2024	Tăng trưởng	Dự báo 2024	% hoàn thành
Doanh thu thuần	2,418	1.3%	-5.5%	9,865	1.2%	10,098	98%
Lợi nhuận gộp,	887	15.2%	2.8%	3,499	1.7%		
Tỷ suất lợi nhuận gộp	36.7%	+4.5 ppts	+3.0 ppts	35.5%	+0.2 ppts		
Chi phí BH&QL	181	27.4%	4.6%	665	12.0%		
Chi phí BH&QL/Doanh thu	7.5%	+1.6 ppts	+0.7 ppts	6.7%	+0.6 ppts		
Thu nhập tài chính thuần	156	-1.5%	21.8%	581	-9.3%		
LNTT	867	10.2%	8.4%	3,403	-2.4%		
Lợi nhuận thuần	749	5.4%	6.2%	2,989	-3.6%	2,994	100%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	31.0%	+1.2 ppts	+3.4 ppts	30.3%	-1.5 ppts		

Nguồn: DGC, HSC

- Trong suốt Q4/2024, do nhu cầu và tỷ suất lợi nhuận của phân khúc phân bón tăng lên, DGC đã ngừng bán WPA. Đối với TPA, sản lượng tiêu thụ cũng giảm mạnh 45% so với cùng kỳ và 7% so với quý trước, chỉ còn 12.418 tấn với giá bán bình quân tăng nhẹ 1,4% so với cùng kỳ và 3,3% so với quý trước.

Nhìn chung, doanh thu thuần đi ngang so với cùng kỳ ở mức 2.418 tỷ đồng nhưng giảm 5,5% so với quý trước. Theo đó, doanh thu thuần cả năm 2024 đạt 9.865 tỷ đồng, tăng trưởng 1,2% và hoàn thành 98% dự báo của HSC.

Tỷ suất lợi nhuận mở rộng giúp lợi nhuận thuần phục hồi

Mặc dù doanh thu cải thiện hạn chế nhưng HSC nhận thấy tỷ suất lợi nhuận mở rộng do một số lý do sau đây:

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên mức 36,7% trong Q4/2024, so với 32,2% trong Q4/2023 và 33,7% trong Q3/2024 nhờ giá bán bình quân tăng và công suất hoạt động được cải thiện (so với cùng kỳ).

Lợi nhuận tài chính vẫn vững chắc ở mức 156 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ (do lãi suất tiền gửi giảm) nhưng tăng 22% so với quý trước. Tại thời điểm cuối năm 2024, DGC có tổng cộng 10.661 tỷ đồng tiền mặt, tăng 3%. Trong khi đó, nợ ngắn hạn giảm 35% so với cùng kỳ xuống chỉ còn 864 tỷ đồng và không có nợ dài hạn tính đến cuối năm 2024.

Chi phí bán hàng & quản lý tăng 27% so với cùng kỳ và 5% so với quý trước lên 181 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu là 7,5% so với mức 5,9% trong Q4/2023 và 6,8% trong Q3/2024.

Tỷ suất lợi nhuận thuần cải thiện mạnh lên mức 31% trong Q4/2024 từ 29,8% trong Q4/2023 và 27,6% trong Q3/2024, chủ yếu nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp được cải thiện.

Nhìn chung, DGC ghi nhận lợi nhuận thuần Q4/2024 đạt 749 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ và 6% so với quý trước; sát với dự báo của HSC ở mức 755 tỷ đồng. Với kết quả này, lợi nhuận thuần cả năm 2024 đạt 2.989 tỷ đồng, giảm 3,6%, hoàn thành 100% dự báo của chúng tôi.

Duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu

Do KQKD Q4/2024 sát với dự báo, HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận cho năm 2025-2026 với mức tăng trưởng lần lượt là 16,9% và 16,1%, đạt 3.494 tỷ đồng và 4.056 tỷ đồng.

DGC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 12,4 lần. Mặc dù định giá cao hơn so với bình quân 4 năm (ở mức 9,0 lần) nhưng vẫn thấp hơn so với các công ty cùng ngành trong khu vực (ở mức 14,0 lần). HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 133.000đ (tiềm năng tăng giá 22%) đối với DGC.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	14,444	9,748	10,098	13,012	16,486
Lợi nhuận gộp	6,750	3,440	3,472	4,174	4,875
Chi phí BH&QL	(752)	(594)	(687)	(872)	(1,088)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	5,998	2,846	2,785	3,302	3,787
Lãi vay thuần	384	641	632	762	922
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	(5.90)	(1.38)	(8.08)	(10.4)	(13.2)
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	6,376	3,485	3,409	4,053	4,696
Chi phí thuế TNDN	(339)	(243)	(290)	(405)	(470)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(472)	(142)	(125)	(150)	(165)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,565	3,100	2,994	3,498	4,061
Lợi nhuận thuần ĐC	5,434	2,770	2,852	3,334	3,872
EBITDA ĐC	6,283	3,204	3,301	3,833	4,513
EPS (đồng)	14,653	8,163	7,884	9,211	10,694
EPS ĐC (đồng)	14,309	7,294	7,511	8,778	10,194
DPS (đồng)	4,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	380	380	380	380	380
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	380	380	380	380	380
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	380	380	380	380	380

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	1,535	1,061	149	239	684
Đầu tư ngắn hạn	7,471	9,342	11,000	13,000	16,000
Phải thu khách hàng	919	1,130	1,010	1,366	1,813
Hàng tồn kho	1,000	855	928	1,149	1,393
Các tài sản ngắn hạn khác	59.8	79.7	82.5	130	165
Tổng tài sản ngắn hạn	10,985	12,467	13,169	15,884	20,055
TSCĐ hữu hình	2,015	2,331	2,502	3,116	2,690
TSCĐ vô hình	0.09	352	341	330	320
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	376	420	414	424	436
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	29.0	31.2	32.8	34.4	36.1
Tổng tài sản dài hạn	2,420	3,134	3,290	3,905	3,481
Tổng cộng tài sản	13,405	15,601	16,459	19,789	23,537
Nợ ngắn hạn	468	1,328	795	1,061	1,161
Phải trả người bán	326	190	0	0	0
Nợ ngắn hạn khác	1,653	1,833	1,729	2,453	3,208
Tổng nợ ngắn hạn	2,571	3,493	2,525	3,513	4,369
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	70.0	77.0	84.7	93.2
Nợ dài hạn khác	0.10	0.27	0.28	0.29	0.30
Tổng nợ dài hạn	0.10	70.3	77.3	85.0	93.5
Tổng nợ phải trả	2,572	3,563	2,602	3,598	4,462
Vốn chủ sở hữu	10,451	11,707	13,402	15,586	18,305
Lợi ích cổ đông thiểu số	382	330	455	605	770
Tổng vốn chủ sở hữu	10,834	12,037	13,857	16,190	19,074
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,405	15,601	16,459	19,789	23,537
BVPS (đ)	27,519	30,826	35,288	41,039	48,198
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(1,068)	267	646	822	477

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	5,998	2,846	2,785	3,302	3,787
Khấu hao	(285)	(358)	(516)	(531)	(726)
Lãi vay thuần	384	641	632	762	922
Thuế TNDN đã nộp	(303)	(265)	(290)	(405)	(470)
Thay đổi vốn lưu động	(123)	(201)	(496)	(47.1)	(154)
Khác	62.0	14.1	(8.08)	(10.4)	(13.2)
LCT thuần từ HKKD	5,937	2,784	2,528	3,393	3,904
Đầu tư TS dài hạn	(157)	(251)	(693)	(1,144)	(300)
Góp vốn & đầu tư	(7,104)	(9,182)	(1,075)	(1,285)	(2,120)
Thanh lý	3,434	7,094	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(3,828)	(2,338)	(1,768)	(2,429)	(2,420)
Cổ tức trả cho CSH	(411)	(1,774)	(1,139)	(1,139)	(1,139)
Thu từ phát hành CP	85.4	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(371)	853	(533)	265	100
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(697)	(920)	(1,672)	(874)	(1,039)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	124	1,535	1,061	149	239
LCT thuần trong kỳ	1,412	(475)	(912)	89.9	445
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.41)	0.00	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,535	1,061	149	239	684
Dòng tiền tự do	5,779	2,533	1,835	2,249	3,604

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	46.7	35.3	34.4	32.1	29.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	43.5	32.9	32.7	29.5	27.4
Tỷ suất LNT (%)	38.5	31.8	29.6	26.9	24.6
Thuế TNDN hiện hành (%)	5.31	6.99	8.50	10.0	10.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	51.2	(32.5)	3.59	28.9	26.7
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	123	(49.0)	3.05	16.1	17.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	132	(49.0)	2.97	16.9	16.1
Tăng trưởng EPS (%)	4.97	(44.3)	(3.42)	16.8	16.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	4.43	(49.0)	2.97	16.9	16.1
Tăng trưởng DPS (%)	300	(25.0)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	27.3	36.8	38.1	32.6	28.1
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	67.3	28.0	23.8	24.1	24.0
ROACE (%)	69.9	24.8	21.4	21.9	21.4
Vòng quay tài sản (lần)	1.32	0.67	0.63	0.72	0.76
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.99	0.98	0.91	1.03	1.03
Số ngày tồn kho	47.4	49.5	51.1	47.5	43.8
Số ngày phải thu	43.6	65.4	55.6	56.4	57.0
Số ngày phải trả	15.5	11.0	0	0	0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(9.93)	2.81	4.82	5.27	2.61
Nợ/tài sản (%)	3.71	8.91	4.83	5.36	4.93
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.08	0.43	0.24	0.28	0.26
Chỉ số TT hiện thời (lần)	4.27	3.57	5.22	4.52	4.59
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.84	4.35	4.24	3.30	2.59
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.54	13.2	13.0	11.2	9.45
P/E (lần)	7.58	13.6	14.1	12.1	10.4
P/E ĐC (lần)	7.76	15.2	14.8	12.6	10.9
P/B (lần)	4.03	3.60	3.15	2.70	2.30
Lợi suất cổ tức (%)	3.60	2.70	2.70	2.70	2.70

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn